

Số: 39/KH-TrMN

Mao Điền, ngày 19 tháng 8 năm 2025

A. 1. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026
KHỐI MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI

I. Những căn cứ để xây dựng kế hoạch năm học.

- Căn cứ Quyết định 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026;
- Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ vào mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi, nội dung giáo dục của trẻ MG 5 - 6 tuổi trong chương trình giáo dục mầm non;
- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng hứng thú của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi;
- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, văn hóa, năng lực cán bộ quản lý, giáo viên của trường Mầm non Tân Trường;
- Căn cứ vào sự mong đợi của xã hội và phụ huynh học sinh, địa phương xã Mao Điền;
- Căn cứ vào điều kiện thực tế và đề án phát triển giáo dục mầm non của địa phương;

Trường Mầm non Tân Trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học khối mẫu giáo 5 - 6 tuổi như sau:

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục năm học.

STT	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Chủ đề thực hiện									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

	I. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất												
	* Phát triển vận động												
	Thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp												
1	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Thực hiện các động tác hô hấp, tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong giờ thể dục sáng và các động tác tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.	x										
	Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động												
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối	x										
		Đi trên dây đặt trên sàn	x										
		Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.	x										
		Đi nổi bàn chân tiến, lùi.		x									
		Bật liên tục vào các ô						x					
		Bật xa 40 - 50 cm							x				

		Bật nhảy từ trên cao xuống 40 – 50 cm						x				
		Nhảy lò cò 5m.							x			
3	Kiểm soát được vận động:	Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		x								
		Chạy nhanh 18m trong khoảng 10s		x								
		Chạy chậm 100 - 120m.			x							
		Chạy vượt qua chướng ngại vật.			x							
		Bò bằng bàn tay, bàn chân 4 - 5 m			x							
		Bò đích đặc qua 7 điểm			x							
		Bò chui qua ống dài 1,5 m x 0,6 m				x						
		Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm.				x						
		Trèo lên xuống 7 giống thang				x						
		Bật tách, khép chân qua 7 ô							x			
4		Bật qua các vật cản cao 15 cm – 20 cm							x			
		Ném xa bằng 1 tay				x						

[illegible]

		Bật xa, ném xa - chạy nhanh 15m.											X
	Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt												
6	Thực hiện và phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt. Sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay; gập, mở lần lượt từng ngón tay.	x										
		Bẻ, nắn,			x								
		Lắp, ráp											
		Vẽ hình và sao chép chữ cái và số.									x		
		Xé đường vòng cung						x					
		Cắt được theo đường viền của hình vẽ			x								
		Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.									x		
		Ghép và dán các hình đã cắt theo mẫu				x							
		Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây		x									
		Tô, đồ theo nét.									x		
	Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe												
7	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình	Trẻ khỏe mạnh, ăn đầy đủ 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.		x									

[illegible]

[illegible]

[illegible]

17	Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh	Thích xem xét, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.							x			
		Đạo chơi vườn cổ tích, quan sát bầu trời, quan sát và thảo luận về thời tiết.		x								
		Đặt câu hỏi tại sao, để làm gì, làm thế nào, khi nào... về các sự vật, hiện tượng xung quanh.			x							
18	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem lá, hoa, quả,...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	x									
		Đặc điểm, công dụng của một số PTGT.					x					
		Đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật.							x			
		Đặc điểm, lợi ích và tác hại của cây, hoa, quả						x				
		Một số đặc điểm, tính chất của nước								x		
		Một vài đặc điểm, tính chất của đất, cát, sỏi, đá.									x	
		Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa									x	
19	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ	Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự						x				

	đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	phát triển của cây.										
		Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra (Mưa, gió, sấm chớp,...) và giải thích dự đoán của mình.								x		
		Thử nghiệm về hạt giống và nước (Gieo hạt/trồng cây tưới nước-không tưới và theo dõi)					x					
20	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Xem sách, tranh ảnh, video, mô hình... về đối tượng từ đó trò chuyện và thảo luận về đối tượng đó.	x									
21	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.	x		x							
		Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.						x	x			
		Phân loại 1 số phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu					x					
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản												
22	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện	Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng đồ chơi	x		x							

	tượng.	quen thuộc.										
		Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể		x								
		Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.						x	x			
		Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống; mối liên hệ giữa các hiện tượng tự nhiên						x	x			
		Các nguồn nước trong môi trường sống. Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.								x		
		Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây								x		
		Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.								x		
23	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Tạo ra sản phẩm tạo hình theo cách riêng của bản thân.					x					
		Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn.					x					

	hơn, ít nhất, thêm bớt tạo sự bằng nhau.											
30	Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau trong phạm vi 10 và đếm.				x			x	x		
31	Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Đếm và nói đúng số lượng của nhóm đồ vật ít nhất từ 5-10. - Đọc được các chữ số từ 1-10. - Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được. - Làm sách số theo chủ đề.	x	x	x	x		x	x		x	
		Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số đường, biển số xe...).			x		x					
	Sắp xếp theo quy tắc											
32	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo	Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	x			x						

	yêu cầu.	Ghép thành cặp những đối tượng có liên quan.				x						
33	Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp. - Sắp xếp theo quy tắc: 1:1; 1:2; 2:2.....		x								
34	Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra quy tắc sắp xếp riêng, nói ra quy tắc đó và tiếp tục sắp xếp.									x	
	So sánh hai đối tượng											
35	Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nêu kết quả	Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau.				x						
		Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.							x			
		Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.								x		
	Nhận biết hình dạng											
36	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ. Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.						x				
		Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.					x					

		Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.					x					
	Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian											
37	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật: phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải - phía trái so với bản thân trẻ / bạn khác/ so với một vật nào đó làm chuẩn.		x			x					
38	Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	Gọi tên các thứ trong tuần								x		
		Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.								x		
		Các mùa và thứ tự các mùa trong năm.								x		
	Khám phá xã hội											
	Nhận biết bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng											
39	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình		x								
40	Nói tên, tuổi, giới tính, địa chỉ gia đình, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi,	- Các thành viên trong gia đình, - Nghề nghiệp của bố, mẹ; - Sở thích của các thành viên trong gia đình; - Quy mô gia đình. - Nhu cầu của gia đình			x							

	trò chuyện, xem ảnh về gia đình.											
41	Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình. (thôn, xóm), - Số điện thoại bố/mẹ.			x							
42	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường mầm non Tân Trường. - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non.	x									
43	Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên các cô, các bác trong trường. - Công việc của các cô giáo, các cô, bác trong trường.	x									
44	Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	x									
	Nhận biết một số thiết bị, đồ dùng có ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đời sống.											
45	Nói tên một số thiết bị, máy móc thông minh.	- Tên của thiết bị thông minh: Điện thoại di động, robot hút bụi, loa điện tử, xe tự động...			x							

50	Hiểu nghĩa từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng...)	Hiểu các từ khái quát và từ trái nghĩa							x				
		Hiểu và làm theo được 2 -3 yêu cầu liên tiếp.			x								
51	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	x										
		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	x										
		Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.							x				
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày													
52	Kể về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Kể lại sự việc theo trình tự							x				
53	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...phù hợp với ngữ cảnh.	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.											x
54	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của					x						

[illegible]

60	Có hành vi giữ gìn bảo vệ sách.	Hứng thú tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp.											X
		- Để sách đúng nơi quy định. - Không vẽ bậy, làm nhàu nhàu hỏng sách, không ngồi dẫm lên sách. - Có thái độ không đồng tình nếu bạn làm hỏng sách, áy náy khi thấy sách bị hỏng...						X					
		Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách.											X
61	Chọn sách để đọc và xem, thể hiện sự thích thú với sách.	Xem và nghe các loại sách khác nhau						X					
		Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách						X					
		Giữ gìn, bảo vệ sách.						X					
62	Kể chuyện theo tranh minh hoạ và kinh nghiệm bản thân	Đọc truyện qua các tranh vẽ											X
63	Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ							X				

		sau các dấu câu.											
64	Nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông.	Nhận biết một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa...			x								
		Nhận biết một số biển báo giao thông (Biển hướng dẫn phân đường giành cho người đi bộ, biển báo cấm đỗ, biển báo nguy hiểm...).					x						
65	Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt.	Nhận dạng các chữ cái	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
66	Tập tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	Tập tô, đồ các nét chữ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình											x
IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội													
1. Phát triển tình cảm													
Thể hiện ý thức về bản thân													
67	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ.Tên các thành viên trong gia đình. - Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ.			x								

68	Nói được những điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Nói những sở thích, khả năng của bản thân: Con thích chơi bán hàng/ đá bóng...		x								
69	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. Nhận ra và chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình về ngoại hình, cơ thể, khả năng, sở thích, ngôn ngữ...		x								
70	Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong một gia đình.	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		x	x							
71	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ và cô giáo những việc vừa sức.	Giúp đỡ cô giáo, ông bà bố mẹ 1 số công việc phù hợp	x		x	x						
Thể hiện sự tự tin, tự lực												
72	Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi)	x									
73	Cố gắng tự hoàn thành	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.				x						

[illegible]

		- Lăng Bác – nơi Bác yên nghỉ.											
78	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ. Biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi, ngày 19-5 là sinh nhật Bác										X	
		Cùng cô kể chuyện về Bác.										X	
79	Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.										X	
2. Phát triển Kỹ năng xã hội													
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội													
80	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn khi ngủ, đi bên phải lề đường, sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép).	X		X								
81	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Biết thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép,					X						

[illegible]

	mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi Đúng – Sai, Tốt – Xấu.											
		Tìm sự hỗ trợ từ người lớn (cô giáo, bác bảo vệ, hàng xóm...) khi cần thiết.	x										
	Quan tâm đến môi trường												
86	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Bảo vệ chăm sóc cây cối. Vui vẻ khi nhận công việc tưới cây. Buồn khi thấy cây, hoa bị gãy nát.						x					
		Bảo vệ chăm sóc con vật. Vui vẻ khi nhận công việc cho con vật ăn. Buồn khi thấy con vật bị đau...							x				
87	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Nhắc nhở bạn, người thân không xả rác bừa bãi. - Bỏ rác đúng nơi quy định.			x								
88	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường.	Giữ gìn vệ sinh môi trường: Giữ gìn vệ sinh lớp, ngoài sân trường...	x										
		Nhắc nhở bạn, người thân không hái hoa, bẻ cành...			x								

		Thấy ai có hành vi sai với môi trường sẽ nhắc nhở kịp thời.		x								
89	Tiết kiệm trong sinh hoạt	Tiết kiệm nước.								x		
		Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng.	x									
		Khoá vòi nước sau khi dùng.								x		
		Không để thừa thức ăn.	x									
V. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ												
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật												
90	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.								x		
91	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)	x									
		Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm						x				

	hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	thiết) của các bài hát, bản nhạc.										
92	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thể hiện thái độ, tình cảm và sử dụng các từ gợi cảm của bản thân về màu sắc, hình dáng, bố cục... của các tác phẩm tạo hình (Xem triển lãm tranh, sản phẩm bé yêu, cách bảo vệ sản phẩm tạo hình của bé...).						x				
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình												
93	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát (Dạy hát các bài hát trong chủ đề, các trò chơi âm nhạc: Hát theo hình vẽ, hát theo giai điệu, xướng âm...)	x									
94	Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc (Dạy vận động: vỗ tay theo các tiết tấu, múa minh họa; Trò chơi âm nhạc: Vận động theo bản nhạc, ai nhanh nhất, nghe tiếng hát tìm đồ vật, Nghe tiết tấu chuyển nhạc cụ...)		x								

[illegible]

2. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN KHỐI MG 5 - 6 TUỔI NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian	Ghi chú
1	Trường Mầm non Tân Trường thân yêu của bé	Ngày hội đến trường của bé	3 tuần thực hiện từ ngày 08/9 đến 26/9/2025.	Ngày 5 tháng 9 khai giảng năm học
2	Bạn và tôi	Vui hội trăng rằm	3 tuần thực hiện từ ngày 29/9 đến 17/10/2025.	
3	Bé với gia đình thân yêu	Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	4 tuần thực hiện từ ngày 20/10 đến 14/11/2025.	
4	Những nghề bé biết	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	4 tuần thực hiện từ ngày 17/11 đến 12/12/2025.	
5	Bé tìm hiểu về giao thông	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	4 tuần thực hiện từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026.	Kết thúc học kì I.
		Giáng sinh yêu thương		
Tuần từ 12/01 đến 16/01 ôn tập hết học kỳ 1				
6	Thế giới thực vật – Tết và mùa xuân	Bé vui đón Tết Nguyên Đán	4 tuần thực hiện từ ngày 19/01 đến 13/02/2026.	Nghỉ tết từ ngày 16/02 đến hết 20/02/2026.
7	Những con vật đáng yêu	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.	4 tuần thực hiện từ ngày 23/02 đến 20/3/2026.	
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên		4 tuần thực hiện từ ngày 23/3 đến 17/4/2026.	

9	Quê hương đất nước, Bác Hồ.	Ngày thống nhất đất nước	4 tuần thực hiện từ ngày 20/4 đến 15/5/2026.	
10	Bé vào lớp 1	Mừng ngày sinh nhật Bác 19/5	1 tuần thực hiện từ ngày 18/5 đến ngày 22/5/2026.	Tuần từ 25-29/5/2026: Rèn văn nghệ chuẩn bị tổng kết năm học.
	Tổng		35 tuần	Kết thúc năm học trước 31/5/2026

HIỆU TRƯỞNG KÍ DUYỆT

PHT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nguyệt



Nguyễn Thị Thủy

STT	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Chủ đề thực hiện									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	I. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất											
	* Phát triển vận động											

	Thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp												
1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	Thực hiện các động tác nhóm tay - vai; lưng, bụng, lườn; chân - bật <u>trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.</u>	x										
	Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức vận động												
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	Đi bằng gót chân.	x										
		Đi khuyu gối	x										
		Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.		x									
		Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	x										
		Đi trên ghế thể dục.		x									
		Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.								x			
		Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh		x									
3	Kiểm soát được vận động khi thực hiện.	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc, đổi hướng theo vật chuẩn (4 đến 5 vật chuẩn đặt zig zắc).								x			

		Tung bóng lên cao và bắt bóng.						X				
		Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liền, không làm rơi bóng (khoảng cách 3m)									X	
		Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m)						X				
		Bò chui qua ống dài (1.2mx0.6m)					X					
		Ném xa bằng 1 tay					X					
		Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.						X				
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong. 10s kết hợp ném trúng đích nằm ngang.								X		
		Bật qua vật cản cao 10 - 15cm, kết hợp chạy chậm 60 - 80 m.									X	
		Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài kết hợp nhảy lò cò.								X		
		Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m), bật liên tục vào các ô.								X		
		Ném xa bằng 2 tay, bật xa 35 – 40cm.						X				

	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe											
	1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi											
8	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng: + Bé trai: 14,4 kg đến 23,5 kg. + Bé gái: 13,8 kg đến 23,2 kg. - Chiều cao: + Bé trai: 100,7 cm đến 119,1 cm. + Bé gái: 99,5 cm đến 117,2 cm.	Trẻ khỏe mạnh, ăn đầy đủ 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.		x								
		Cân - đo theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng.	x				x				x	
		Khám sức khỏe định kì.	x									
		Xây dựng kế hoạch trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì (Nếu có).	x				x					x
	2. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.											
9	Biết một số thực phẩm cùng nhóm.	Một số thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá...							x			
		Rau, quả chín chứa nhiều vitamin.					x					
10	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến	Nói tên được một số món ăn được ăn ở trường và ở nhà.	x		x							

	đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo...	Nhận dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.			x								
		Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).			x								
11	Biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	Nhận biết các bữa ăn trong ngày.			x								
		Ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất đối với cơ thể.		x									
3. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.													
12	Thực hiện được một số việc khi nhắc nhở	Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	x										
		Tự lau mặt, đánh răng.		x									
		Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.								x			
		Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	x										
13	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			x								
4. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.													
14	Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn nhai kĩ.	x										
		- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác				x							

[illegible]

	II. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức										
	Khám phá khoa học										
	1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.										
20	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo	Gọi tên các đồ dùng đồ chơi trong lớp học, công dụng và cách sử dụng.	x								
		Gọi tên các con vật gần gũi, tìm được đặc điểm chung của nhóm con vật.						x			
		Gọi tên các loại cây cối gần gũi xung quanh, tìm được đặc điểm chung của nhóm cây.					x				
		Nhận ra và sắp xếp theo trình tự phát triển của các con vật.						x			
		Nhận ra và sắp xếp theo trình tự phát triển của cây.					x				
		Nhận ra và sắp xếp theo trình tự phát triển của hiện tượng tự nhiên.							x		
		Dạo chơi vườn cổ tích, quan sát bầu trời, quan sát và thảo luận về thời tiết.	x								
		Trẻ đặt câu hỏi tại sao, để làm gì, làm thế nào, khi nào...về các sự vật, hiện tượng xung quanh.	x								

21	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi,nếm...để tìm hiểu về đặc điểm của đối tượng.	Phối hợp các giác khác nhau: nhìn, sờ, ngửi, nếm, nghe...để tìm hiểu về đặc điểm của đối tượng.							X			
22	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển của cây						X				
		Thử nghiệm sự chìm – nổi.							X			
		Pha màu (Quan sát chất tan trong nước).										X
23	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	Xem sách, tranh ảnh, video, mô hình...về đối tượng, từ đó thảo luận về đối tượng đó.			X							
24	Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu.	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 – 2 dấu hiệu (công dụng, màu sắc)	X									
		Phân loại cây, hoa, quả theo 1 – 2 dấu hiệu (công dụng, màu sắc).						X				
		Phân loại một số PTGT theo 1 – 2 dấu hiệu (công dụng, đặc điểm).					X					
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.												

25	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.			x							
		Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật/cây cối với môi trường sống.						x				
		Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.								x		
26	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết những điều đơn giản.	Cuộn giấy làm loa để nói to hơn.					x					
		Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.						x				
		Dùng phễu để rót nước vào chai không bị vãi và nhanh hơn.								x		
		3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.										
27	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.	x									
		So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 dụng cụ lao động, sản phẩm nghề.				x						
		So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật.							x			
		So sánh sự giống và khác nhau của 2 cây, hoa, quả.						x				

		Sự khác nhau giữa ngày và đêm.								X		
		Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác trên cơ thể.		X								
		Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây cối.						X				
		Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.								X		
		Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.								X		
		Các nguồn nước trong môi trường sống. Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây cối.								X		
		Một số đặc điểm, tính chất của nước								X		
		Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.								X		
28	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	Nói lên ý tưởng của mình qua các hoạt động.					X					
		Có những vận động minh họa, múa hát, công trình xây dựng... sáng tạo theo ý tưởng riêng.					X					
		Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.									X	
	Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.											

	1. Nhận biết số đếm, số lượng										
29	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu? Là số mấy?”...	Quan tâm hỏi về số lượng các hoạt động hàng ngày.		x							
30	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Thêm bớt, tạo sự bằng nhau giữa các nhóm đối tượng. So sánh số lượng của 2 nhóm đồ dùng, đồ chơi... (lá cây, sỏi...) bằng các cách xếp theo hàng ngang, dọc; sử dụng các giác quan (tay, tai, mắt...) và nói được kết quả bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.					x				
31	Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 và nói kết quả. Tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. VD: Tách nhóm 5 chiếc thuyền buồm thành 2 nhóm nhỏ: 1-4 và 2-3.					x				
32	Sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Đếm và nói đúng số lượng của nhóm đồ vật trong phạm vi 5.	x								

		- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Đọc được các chữ số từ 1 đến 5. - Chọn thẻ số tương ứng với số lượng đã đếm được.										
33	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe).										X
2. Sắp xếp theo quy tắc.												
34	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...). - Sao chép lại quy tắc sắp xếp. - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước. - Sắp xếp theo quy tắc: 1-1-1, 1-2-1, 2-1-2.		X								
3. So sánh 2 đối tượng												
35	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Đo độ dài của 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.				X						
		Đo dung tích của 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.								X		
4. Nhận biết hình dạng												

36	Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật....)	- Nhận biết, gọi tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật. - So sánh và chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hình tròn và hình tam giác, hình vuông và hình chữ nhật. - Nhận dạng các hình đó trong thực tế.	x									
37	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.										x
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian												
38	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái).		x								
39	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.								x		
Khám phá xã hội												
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng												
40	Nói họ và tên trẻ, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	.	x								

41	Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên, tuổi các thành viên trong gia đình. - Công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình. - Nhu cầu của gia đình. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.			x								
42	Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Địa chỉ gia đình. (xóm, thôn, xã...)			x								
43	Nói tên và địa chỉ của trường, lớp; một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp bé học. - Tên, công việc của cô giáo và các cô, bác trong trường.	x										
44	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên của các bạn trong lớp. - Một vài đặc điểm, sở thích nổi bật của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	x										
	2. Nhận biết một số thiết bị, đồ dùng có ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đời sống.												
45	Nói tên một số thiết bị, máy móc thông minh.	- Tên của thiết bị thông minh: Điện thoại di động, robot hút bụi, loa điện tử, xe tự động...			x								

		- Sáng tạo về robot theo trí tượng tưởng.											
	3. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương												
46	Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.				x							
	4. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.												
47	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Nêu một số lễ hội và hoạt động nổi bật của một số ngày lễ hội.	x	x	x	x	x	x	x			x	x
48	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa ở địa phương: Văn Miếu Mao Điền, Đền Bia, Chùa Giám...										x	
	III. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ												
	1. Nghe hiểu lời nói												
49	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.	x										
50	Trẻ hiểu được nghĩa một số từ	Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công	x		x	x							

	khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	dụng: đồ dùng, đồ chơi (trường mầm non, gia đình, nghề nghiệp).											
		Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát về phương tiện giao thông.					x						
		Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát về động vật.							x				
		Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát về thực vật.						x					
51	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	Nghe hiểu ý kiến nhận xét của người đối thoại: Hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức (trò chuyện, trả lời các câu hỏi đàm thoại trong thơ, truyện, khám phá...)		x									
		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè, tục ngữ, câu đố phù hợp với độ tuổi.				x							
	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày												
52	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp							x				
		Sử dụng lời nói rõ ràng để mô tả về sự vật hiện			x								

		tượng, tranh ảnh mà trẻ nhìn thấy, trẻ biết.											
		Miêu tả tranh vẽ, sản phẩm tạo hình của bản thân.					x						
53	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm (con người, đồ vật, động vật, cây cối, các hiện tượng tự nhiên..)		x									
54	Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Sử dụng các loại từ, các loại câu khác nhau trong giao tiếp hằng ngày. - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau. - Trả lời và đặt câu hỏi.		x									
55	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.											x
56	Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	Trẻ đọc biểu cảm các bài thơ.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Trẻ đọc biểu cảm các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè....	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
57	Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc, bắt chước được	- Kể lại chuyện đã được nghe. - Kể chuyện sáng tạo.						x					

62	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa.	- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách. - “Đọc” chuyện qua sách tranh/tranh vẽ. - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới). - Phân biệt đầu, kết thúc của sách.				x							
63	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...).	Nhận biết với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra – vào.			x								
		Nhận biết một số biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ, biển báo cấm đỗ, biển báo nguy hiểm....).					x						
64	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	Sử dụng các kí hiệu chữ viết, tranh ảnh, số và kí hiệu khác để biểu lộ ý muốn và suy nghĩ của bản thân.											x
65	Trẻ có biểu tượng ban đầu về chữ cái/chữ viết.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm kĩ năng – xã hội.													
1. Thể hiện ý thức về bản thân													
66	Nói được tên tuổi, giới tính	- Họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ.		x	x								

	của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ nhà. - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.										
67	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân: - Trẻ nói những sở thích, khả năng của bản thân. - Trẻ kể những việc mà mình có thể làm được.		x								
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.												
68	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Đoàn kết, phối hợp chơi cùng bạn trong các trò chơi đóng vai. - Tự cất đồ chơi sau khi chơi.	x									
69	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Vui vẻ, phối hợp cùng bạn hoàn thành công việc được giao. - Trẻ lao động vệ sinh đồ dùng đồ chơi, các góc lớp, vệ sinh cá nhân trẻ, nhặt lá trên sân trường. - Nhanh chóng thực hiện công việc. - Hoàn thành công việc được giao. - Thể hiện sự thích thú khi hoàn thành công việc.		x								

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

83	Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện thái độ, tình cảm và sử dụng các từ gọi cảm của bản thân về màu sắc, hình dáng, bố cục... của các tác phẩm tạo hình (Xem triển lãm tranh, sản phẩm bé yêu, cách bảo vệ sản phẩm tạo hình của bé...).										X	
2. Một số kĩ năng cho hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.													
84	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát (Dạy hát các bài hát trong chủ đề, các trò chơi âm nhạc: Hát theo hình vẽ, hát theo giai điệu, xướng âm...).	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
85	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc (Sinh hoạt văn nghệ cuối chủ đề; Dạy vận động: vỗ tay theo các tiết tấu, múa minh họa; Trò chơi âm nhạc: Vận động theo bản nhạc, ai nhanh nhất, nghe tiếng hát tìm đồ vật, Nghe tiết tấu chuyển nhạc cụ...)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Tham gia các tiết mục văn nghệ trong các ngày hội, ngày lễ.	X	X	X	X	X	X	X			X	X
86	Phối hợp các nguyên vật liệu	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu			X								

[illegible]

2. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN KHỐI MG 4 – 5 TUỔI NĂM HỌC 2025 – 2026

STT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian	Ghi chú
1	Trường Mầm non Tân Trường thân yêu của bé	Ngày hội đến trường của bé	3 tuần thực hiện từ ngày 08/9 đến 26/9/2025.	Ngày 5 tháng 9 khai giảng năm học
2	Bạn và tôi	Vui hội trăng rằm	3 tuần thực hiện từ ngày 29/9 đến 17/10/2025.	
3	Bé với gia đình thân yêu	Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	4 tuần thực hiện từ ngày 20/10 đến 14/11/2025.	
4	Những nghề bé biết	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	4 tuần thực hiện từ ngày 17/11 đến 12/12/2025.	
5	Bé tìm hiểu về giao thông	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	4 tuần thực hiện từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026.	Kết thúc học kì I.
		Ngày Lễ Giáng sinh		
Tuần từ 12/01 đến 16/01 ôn tập hết học k ÿ 1				
6	Thế giới thực vật – Tết và mùa xuân	Bé vui đón Tết Nguyên Đán.	4 tuần thực hiện từ ngày 19/01 đến 13/02/2026.	Nghỉ tết từ ngày 16/02 đến hết 20/02/2026.
7	Những con vật đáng yêu	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.	4 tuần thực hiện từ ngày 23/02 đến 20/3/2026.	

8	Nước và các hiện tượng tự nhiên		4 tuần thực hiện từ ngày 23/3 đến 17/4/2026.	
9	Quê hương đất nước.	Ngày giải phóng đất nước	4 tuần thực hiện từ ngày 20/4 đến 15/5/2026.	
10	Bác Hồ của em.	Mừng ngày sinh nhật Bác 19/5	1 tuần thực hiện từ ngày 18/5 đến ngày 22/5/2026.	Tuần từ 25-29/5/2026: Rèn văn nghệ chuẩn bị tổng kết năm học.
	Tổng		35 tuần	Kết thúc năm học trước 31/5/2026

HIỆU TRƯỞNG KÍ DUYỆT

PHT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nguyệt



Nguyễn Thị Duyên

- Căn cứ Quyết định 2269/QĐ - BGDDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026;
- Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ - UBND ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ vào mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi, nội dung giáo dục của trẻ MG 3 - 4 tuổi trong chương trình giáo dục mầm non;
- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng hứng thú của trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi;
- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, văn hóa, năng lực cán bộ quản lý, giáo viên của trường Mầm non Tân Trường;
- Căn cứ vào sự mong đợi của xã hội và phụ huynh học sinh, địa phương xã Mao Điền;
- Căn cứ vào điều kiện thực tế và đề án phát triển giáo dục mầm non của địa phương;

II. Mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục năm học:

ST T	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM	CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT											

	A. Phát triển vận động											
	- Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp											
1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn của cô.	Thực hiện các động tác nhóm tay: lưng Bụng, lườn: chân trong giờ thể dục sáng và giờ phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	- Thực hiện được các kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động											
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	Đi kiễng gót.	x									
		Đi kiễng gót đầu đội túi cát								x		
		Đi trong đường hẹp	x									
		Bước, lên xuống bậc (Cao 30cm).	x									
		Đi trong đường hẹp – bước lên xuống bậc			x							
3	Kiểm soát được vận động khi thực hiện.	Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc							x			
		Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.							x			

		thăng, ném xa = tay.										
		Bò theo hướng thăng chui qua cổng, ném xa bằng 1 tay										x
		Bật xa, Ném trúng đích thăng đứng bằng 1 tay									x	
		Bước lên xuống bục, ném xa bằng 1 tay						x				
		Bật nhảy tại chỗ, ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay							x			
		Bò theo đường díc dắc (qua 3-4 điểm cách nhau 2m) - chui qua cổng.						x				
5	Phối hợp tay mắt trong vận động.	Lăn bóng với cô.							x			
		Đập bắt bóng với cô.							x			
		Tung, bắt bóng với cô.							x			
		Ném xa bằng một tay.						x				
		Ném trúng đích thăng đứng bằng một tay.								x		
		Ném trúng đích nằm ngang bằng						x				

		một tay.										
		Chuyên, bắt bóng hai bên theo hàng ngang		x								
		Chuyên, bắt bóng hai bên theo hàng dọc.		x								
		Chuyên, bắt bóng theo hàng ngang, hàng dọc.			x							
	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.											
6	Thực hiện được các vận động.	Đan.							x			
		Tết.						x				
		Xếp chồng các hình khối khác nhau.		x								
		Xé							x			
		Dán giấy.								x		
		Sử dụng kéo, bút.									x	
		Tô, vẽ nguệch ngoạc.	x									
		Cài, cởi cúc áo.			x							

7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.					x					
B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe												
Trẻ khỏe mạnh về thể chất và thể hiện sự dẻo dai của cơ thể												
8	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ trai: + Cân nặng đạt: 12,9 - 20,8kg. Chiều cao: 94,4 - 111,5cm. - Trẻ gái: + Cân nặng đạt: 12,- 20,7 kg. Chiều cao: 93,5 - 109,6 cm.	Trẻ khỏe mạnh, ăn đầy đủ 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.	x									
		Cân - đo theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng.	x				x			x		
		Khám sức khỏe định kì.	x									
		Xây dựng kế hoạch trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.(nếu có)	x				x				x	
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe												
9	Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, cua...).	Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	x									
10	Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh	Nhận biết một số thực phẩm và			x							

[illegible]

		vải thức ăn.							X				
15	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh được nhắc nhở.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.										X	
		Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người.											X
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.													
16	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	Biết bàn là, bếp điện, ổ điện, phích nước nóng...là vật dụng nguy hiểm.			X								
17	Biết tránh nơi nguy hiểm (ao hồ, bể nước...) khi được nhắc nhở.	Không chơi gần ao, hồ...			X				X				
18	Nhận ra 1 số hành vi nguy hiểm của người khác đối với bản thân	Biết 1 số vùng nhạy cảm trên cơ thể và không cho người lạ đụng vào		X									
19	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc	Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có								X			

	- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.											
25	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi được hỏi.	Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng.							x			
		Mối liên hệ đơn giản giữa cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.						x				
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.												
26	Mô tả dấu hiệu nổi bật của đối tượng quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.								x		
27	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	Thể hiện được một số vai chơi trong các hoạt động chơi.										x
		Thể hiện 1 số vận động minh họa qua HDÂN, 1 số ý định qua hoạt động tạo hình.						x				
B. Làm quen với các biểu tượng sơ đẳng về toán.												
- Nhận biết số đếm, số lượng												
28	Quan tâm đến số lượng và đếm như: Hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, sử dụng ngón	1 và nhiều.	x									

	tay để biểu thị số lượng.												
29	Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 và đếm theo khả năng.					x						
		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3 và đếm theo khả năng.					x						
		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 và đếm theo khả năng.						x					
		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.							x				
30	So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 3					x						
		So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4						x					
		So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5							x				
31	Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4							x				
		Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5								x			

32	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.												
33	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	Xếp tương ứng 1:1,											x	
		Ghép đôi.											x	
		Xếp xen kẽ.												x
- So sánh hai đối tượng														
34	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	So sánh hai đối tượng về kích thước: dài hơn - ngắn hơn				x								
		So sánh hai đối tượng về kích thước: to hơn- nhỏ hơn				x								
		So sánh hai đối tượng về kích thước: cao hơn- thấp hơn				x								
- Nhận biết hình dạng														
35	Nhận biết và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	Nhận biết, gọi tên các hình: tròn, vuông và nhận dạng các hình đó.					x							
		Nhận biết, gọi tên các hình: tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó.					x							

		Nhận biết, gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó.				x							
		Sử dụng các hình dạng để ghép.		x									
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.													
36	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau		x									
		Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân.		x									
C. Khám phá xã hội													
- Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non cộng đồng.													
37	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi và trò chuyện.	Tên, tuổi, giới tính của bản thân.		x									
38	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.			x								
		Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.			x								

39	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Nói được địa chỉ gia đình.			x								
40	Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.	x										
		Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	x										
- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.													
41	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng ...khi được hỏi, xem tranh.	Tên gọi sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.				x							
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.													
42	Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh	Tên, ngày lễ hội của địa phương và những ngày lễ tết.	x	x	x	x	x	x	x			x	x
43	Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.	x									x	
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ													
Nghe hiểu lời nói													

44	Thực hiện được yêu cầu đơn giản.	Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	x										
45	Hiểu được từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả...	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.		x									
46	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.													
47	Nói rõ các tiếng.	Phát âm các tiếng của tiếng việt.								x			
48	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động,...	Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”...			x								
49	Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu đơn mở rộng.				x							
50	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn					x						

	giọng nói, hình ảnh.	qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.											
64	Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói: Trò chơi, hát, vận động.						x					
65	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ.											x
		Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.											x
66	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội, cảnh đẹp của quê hương đất nước.										x	
		Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ xem tranh ảnh về Bác Hồ.											x
	- Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội.												
67	Thực hiện một số qui định của lớp, gia đình.	Một số quy định của lớp	x										
		Một số quy định của gia đình.			x								
68	Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).		x									
69	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Chờ đến lượt.				x							

[illegible]

2. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN KHỐI MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI NĂM HỌC 2025 – 2026

STT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường MN Tân Trường của thân yêu bé.	Ngày hội đến trường của bé.	3 tuần thực hiện từ ngày 08/9 đến 26/9/2025.	Ngày 5 tháng 9 khai giảng năm học
2	Bạn và tôi	Bé vui hội trăng rằm.	3 tuần thực hiện từ ngày 29/9 đến 17/10/2025.	
3	Bé với gia đình thân yêu	Ngày hội của bà của mẹ (Ngày PNVN 20-10)	4 tuần thực hiện từ ngày 20/10 đến 14/11/2025.	
4	Bé yêu các nghề	Ngày hội của các cô giáo (Ngày NGVN 20-11)	4 tuần thực hiện từ ngày 17/11 đến 12/12/2025.	
5	Bé tìm hiểu về giao thông	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	4 tuần thực hiện từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026.	
		Giáng sinh yêu thương		
Tuần từ 12/01 đến 16/01 ôn tập học kỳ 1				
6	Thế giới thực vật – Tết và mùa xuân	Bé vui đón Tết Nguyên Đán.	4 tuần thực hiện từ ngày 19/01 đến 13/02/2026.	Nghỉ tết từ ngày 16/02 đến hết 20/02/2026.
7	Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.	4 tuần thực hiện từ ngày 23/02 đến 20/3/2026.	

8	Nước và các hiện tượng tự nhiên		4 tuần thực hiện từ ngày 23/3 đến 17/4/2026.	
9	Quê hương - đất nước.	Ngày giải phòng đất nước	4 tuần thực hiện từ ngày 20/4 đến 15/5/2026.	
10	Bác Hồ của em.	Mừng ngày sinh nhật Bác 19/5	1 tuần thực hiện từ ngày 18/5 đến ngày 22/5/2026.	Tuần từ 25-29/5/2026: Rèn văn nghệ chuẩn bị tổng kết năm học.
	Tổng		35 tuần	Kết thúc năm học trước 31/5/2026

HIỆU TRƯỞNG KÍ DUYỆT

PHT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nguyệt



Nguyễn Thị Thủy

D. 1. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KHÔI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

I. Những căn cứ để xây dựng kế hoạch năm học.

- Căn cứ Quyết định 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026;
- Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ vào mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi, nội dung giáo dục của trẻ nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi trong chương trình giáo dục mầm non;
- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng hứng thú của trẻ nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi;
- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, văn hóa, năng lực cán bộ quản lý, giáo viên của trường Mầm non Tân Trường;
- Căn cứ vào sự mong đợi của xã hội và phụ huynh học sinh, địa phương xã Mao Điền;
- Căn cứ vào điều kiện thực tế và đề án phát triển giáo dục mầm non của địa phương;

Trường Mầm non Tân Trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học khối nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi như sau:

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục năm học.

STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	Chủ đề thực hiện									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT											
	* Phát triển vận động:											
	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp											

1	Biết thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Nhóm hô hấp, nhóm tay, lưng, bụng, lườn, chân trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.												
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	Đi theo hiệu lệnh.	x									
		Đi trong đường hẹp.	x									
		Đi theo đường ngoằn ngoèo			x							
		Đi có mang vật trên tay.		x								
		Chạy theo hướng thẳng.		x								
		Đứng co 1 chân.				x						
		Chạy theo hướng thẳng, ném bóng vào rổ							x			
		Đi có mang vật trên tay, tung bóng qua dây					x					
3	Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn trong các hoạt động nhún bật.	Bật tại chỗ.	x									
		Bật tại chỗ - Tung bóng qua dây.										x
		Nhún bật về phía trước.					x					
		Bật qua vạch kẻ.			x							

		Bò, trườn qua vật cản				x							
		Bật qua vạch kẻ, bò theo hướng thẳng,						x					
		Bò chui qua cổng, ném bóng về phía trước						x					
		Nhún bật tại chỗ, bò chui qua cổng											x
6	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay. (tối thiểu 1.5m)	Ném về phía trước bằng 1 tay – xa 1,5m.				x							
		Ném bóng về phía trước.				x							
		Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.						x					
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt													
7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.											x
		Đóng cọc bàn gỗ.			x								
		Chấp ghép hình.							x				
		Chồng, xếp 6 - 8 khối.							x				
		Nhón nhặt đồ vật.		x									
		Lật mở trang sách.			x								
8	Vận động cổ tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	Xoa tay chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.				x							

		Tập cầm bút tô, vẽ.																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
--	--	---------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

11	Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	Ngủ một giấc buổi trưa.	Luyện thói quen ngủ một giấc trưa.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14	Tập cho trẻ một số thói quen vệ sinh tốt trong sinh hoạt.	Ăn chín, uống sôi, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau mặt, miệng, uống nước sau khi ăn.		x								
		Vứt rác đúng nơi quy định.		x								
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.												
15	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	Xúc cơm ăn, tự cầm cốc uống nước...		x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Chuẩn bị chỗ ngủ				x						
		Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.			x							
16	Thể hiện được nhu cầu của bản thân với người lớn.	Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.			x							
17	Trẻ biết chấp nhận thực hiện một số việc làm.	Mặc áo ấm khi trời lạnh, đi giày dép, cởi quần áo khi bị ướt, đội mũ khi ra nắng.							x			

	- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.											
18	Biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm không đến gần khi được nhắc nhở.	Bếp đang đun, phích nước nóng, giếng, xô nước...)							X			
19	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: không leo trèo lan can, không chơi với dao kéo...								X		
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.												
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan												
20	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Tìm đồ vật vừa mới cất giấu								X		
		Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.								X		
		Sờ nắn, nhìn ngửi,... đồ vật, hoa quả, cây, để nhận biết đặc điểm nổi bật.								X	X	
		Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.			X							
		Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)								X		
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi												

21	Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc gần gũi.	Trẻ chơi được một số trò chơi đơn giản, gần gũi. “Mẹ con” “Cô giáo”...	X			X						
22	Sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.										X
		Tên, đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng của một số nghề quen thuộc.				X						
23	Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.		X								
		Trẻ nói được tên, công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.			X							
		Tên của cô giáo, các bạn nhóm/lớp.	X									
24	Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	Trẻ nói được tên gọi, chức năng chính của một số bộ phận trên cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân...		X								

[illegible]

2. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN KHỎI NHÀ TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI NĂM HỌC 2024 – 2025

STT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường Mầm non Tân Trường thân yêu của bé	Ngày hội đến trường của bé.	3 tuần thực hiện từ ngày 08/9 đến 26/9/2025.	Ngày 5 tháng 9 khai giảng năm học
2	Bé và các bạn.	Bé vui hội trăng rằm.	3 tuần thực hiện từ ngày 29/9 đến 17/10/2025.	
3	Mẹ và những người thân yêu của bé	Ngày hội của bà, của mẹ (20-10)	4 tuần thực hiện từ ngày 20/10 đến 14/11/2025.	
4	Nghề gì bé yêu?	Ngày hội của các cô giáo 20-11	4 tuần thực hiện từ ngày 17/11 đến 12/12/2025.	
5	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?	Bé yêu chú bộ đội (Ngày 22/12)	4 tuần thực hiện từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026.	Kết thúc học kì I.
		Giáng sinh yêu thương		
Tuần từ 12/01 đến 16/01/ ôn tập hết học kỳ 1				
6	Bé vui đón tết và mùa xuân.	Bé vui đón Tết Nguyên Đán.	4 tuần thực hiện) từ ngày 19/01 đến 13/02/2026.	Nghỉ tết từ ngày 16/02 đến hết 20/02/2026.
7	Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.	4 tuần thực hiện từ ngày 23/02 đến 20/3/2026.	

8	Các loại hoa, quả bé thích		3 tuần thực hiện từ ngày 23/3 đến ngày 10/4/2026.	
9	Bé yêu các loại cây	Ngày giải phòng đất nước (30/4)	3 tuần thực hiện từ ngày 13/4 đến ngày 01/5/2026.	
10	Thiên nhiên tươi đẹp của bé	Mừng sinh nhật bác 19-5	3 tuần thực hiện từ ngày 04/5 đến ngày 22/5/2026.	Tuần từ 25-29/5/2026: Rèn kỹ năng cho trẻ và chuẩn bị tổng kết năm học.
	Tổng		35 tuần	Kết thúc năm học trước 31/5/2026

HIỆU TRƯỞNG KÍ DUYỆT

PHT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nguyệt



Nguyễn Thị Thủy

